

# BIẾN ĐỔI VĂN HÓA CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ Ở ĐÔNG NAM BỘ

## CULTURAL CHANGE OF ETHNIC COMMUNITY IN SOUTHEAST VIETNAM

Trần Hạnh Minh Phương<sup>1</sup>

### Tóm tắt

*Bài viết đề cập đến văn hóa của cộng đồng người Stiêng ở xã Đak-Or, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, người Chăm ở xã Suối Dây, tỉnh Tây Ninh và người Hoa ở Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các khía cạnh: phương thức sinh sống, tập quán cư trú, phong tục tập quán và đời sống tinh thần, tổ chức và quản lý cộng đồng, qua đó phân tích những biến đổi trong văn hóa của các cộng đồng này trong giai đoạn hiện nay.*

*Từ khóa: Đông Nam bộ, văn hóa của các tộc người thiểu số, văn hóa Đông Nam Bộ.*

### 1. Mở đầu

Đông Nam Bộ có vị trí trọng yếu trong chiến lược phát triển Nam Bộ, là nơi cư trú của nhiều tộc người bản địa: Mạ, Stiêng, M'ông, Cơ ho,... và những tộc người từ nơi khác di cư đến như Hoa, Chăm, Tày, Nùng,... Văn hóa của các tộc người này tạo nên bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú cho vùng Đông Nam Bộ, những đặc điểm văn hóa ấy có ý nghĩa đối với sự phát triển chung của vùng.

Nguồn tư liệu chính của bài viết được kế thừa từ kết quả nghiên cứu trường hợp người Stiêng ở xã Đak-Or, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Trần Thị Nhung. 2011); nghiên cứu trường hợp người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai (Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng 2013); người Chăm ở xã Suối Dây, tỉnh Tây Ninh (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005) và người Hoa ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011). Nội dung của bài viết nêu những đặc điểm văn hóa của các tộc người Stiêng, Chơ Ro, Chăm, Hoa thể hiện qua phương thức sinh sống, tập quán cư trú, phong tục tập quán và đời sống tinh thần, tổ chức và quản lý cộng đồng qua đó phân tích chỉ ra những biến đổi văn hóa của các tộc người.

<sup>1</sup> Tiến sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một

### Abstract

*This article is to study the culture of Stieng in Dak-Oh commune, Bu Gia Map dicstrict, Binh Phuoc province; of Choro in Phu Ly commune, Vinh Cuu dicstrict, Dong Nai province; of Cham in Suoi Day commune, Tay Ninh province; of Hoa in Thu Dau Mot city, Binh Duong province in all aspects of living habits, customs and mental life and community management, then analyzing the cultural changes of these ethnic groups today.*

*Keywords: The Southeast, cultures of minority ethnic groups, The Southeast culture.*

### 2. Nội dung

#### 2.1. Về phương thức sinh sống

*Người Stiêng là cư dân cư trú lâu đời ở Đak-Or. Theo thống kê năm 2009, ở xã Đak-Or, huyện Bù Gia Mập có 3.741 người Stiêng (trên tổng số 13.175 người) (Ủy ban Nhân dân xã Đak-Or. 2009, tr.1) thuộc nhóm Stiêng Bù Dek (Phan An. 2007, tr.31). Phương thức canh tác cổ truyền của người Stiêng là nông nghiệp nương rẫy. Kỹ thuật canh tác thô sơ, hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết, nên mỗi năm chỉ trồng một vụ lúa vào mùa mưa. Sau 3 vụ lúa nếu đất trồng bạc màu, họ chuyển đến nơi khác, tiếp tục đốt rừng trồng trọt. Do chưa biết sử dụng phân bón, hay áp dụng kỹ thuật trong canh tác nên năng suất chỉ đạt 10-15 tạ/1000 m<sup>2</sup> (so với ruộng nước của người Việt hiện nay là 1 tấn/1000 m<sup>2</sup>). Từ năm 1979, theo sự vận động và hướng dẫn của chính quyền xã, một số gia đình người Stiêng bắt đầu biết trồng cây điều. Hiện nay, người Stiêng đã chuyển hẳn sang trồng cây lâu năm như điều, tiêu hoặc cao su. Ông Điều Đơn kể “Thói quen canh tác của người Stiêng là trồng cây ngắn ngày như lúa, bắp nhưng năm 1979, nhờ ông Bảy Kính, Hai Thái là cán bộ xã đem giống cây điều về trồng. Gia đình ông Hai Thái (Phan Thành Lan – nguyên Chủ tịch xã Đak-Or), ông Kính trồng trước cho bà*

con đồng bào Stiêng xem, sau đó vận động người Stiêng trồng theo và gia đình ông bắt đầu trồng điều từ đó” (Điều Đơn. 2012.). Ông Phan Thành Lan cũng đã khẳng định ông là một trong những người tích cực đem giống điều về trồng thử ở Đak-Or, sau đó đi vận động người Stiêng trồng. Ông còn trực tiếp hướng dẫn họ cách trồng sao cho đạt năng suất cao.

Gia đình ông Điều Đơn có cách trồng xen canh rất hiệu quả. Từ năm 1992, ông đã trồng điều, ban đầu cây điều còn nhỏ, ông vẫn tía lúa xung quanh cây điều. Nên trong thời gian đợi thu hoạch điều gia đình ông vẫn không đói ăn. Điều và lúa trồng xen nhau được 4 mùa. Khi cây điều to, rợp bóng, không thể trồng lúa nữa nên kể từ năm 1996 đến nay, đất nhà ông chuyển hẳn sang trồng cây công nghiệp, không còn trồng lúa nữa (Điều Đơn. 2012).

Người Stiêng đã thay đổi nhiều trong tư duy kinh tế, họ chủ động tìm nguồn vốn đầu tư thêm cho sản xuất. Ông Điều Đơn nói từ ngày chuyển sang trồng cây công nghiệp, đòi hỏi vốn đầu tư lớn, với sự hướng dẫn của cán bộ xã, và có được sổ chủ quyền sử dụng đất (năm 2006), gia đình ông bắt đầu biết vay vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tùy theo diện tích gia đình có được, ngân hàng sẽ cho vay số tiền nhiều hay ít. Năm 2012, ông vừa vay được 50 triệu đồng đầu tư vào trồng mới mấy trăm gốc cây tiêu (Điều Đơn. 2012).

*Người Chơ Ro* là hậu duệ của cư dân cổ Môn – Khmer, là cư dân bản địa sinh sống lâu đời ở Đông Nam Bộ, trong đó ở tỉnh Đồng Nai, theo số liệu điều tra dân số năm 2009 có 15.174 người, cư trú tập trung theo cộng đồng ở các huyện Long Khánh, Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu, Long Thành và Thống Nhất (Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng. 2013, tr.11,14). Riêng trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu hiện có 150 hộ. Giống như người Stiêng ở Đak-Or, kinh tế truyền thống của người Chơ Ro là săn bắn, hái lượm, đánh bắt cá, trồng nương rẫy và làm nghề thủ công. Trước đây người Chơ Ro thường sống ở vùng đồi, núi nên chỉ trồng lúa nương men theo các sườn đồi, lúa nương mỗi năm chỉ làm một vụ theo quy trình: phát, đốt rồi chọc lỗ bỏ hạt giống như người Stiêng,

nên thường xuyên thiếu lương thực. Từ năm 1997, chính quyền địa phương khuyến khích, tạo điều kiện với việc đầu tư hệ thống các công trình thủy lợi, dẫn nước và quy hoạch lại khu vực trồng lúa, và hướng dẫn người Chơ Ro trồng lúa nước và hiện nay người Chơ Ro đã hoàn toàn chuyển sang trồng lúa nước, mỗi năm hai vụ. Năng suất từ vài ba gia một công, nay tăng lên đến hơn chục gia. Ngoài ra, trong những năm gần đây, bên cạnh cây lúa nước, cây mì (sắn), xoài, điều cao sản đã được người Chơ Ro trồng đại trà, trở thành những cây trồng chủ lực góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế của cộng đồng. Những năm gần đây, người Chơ Ro đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng: trồng lúa nước, trồng cây ăn quả, trồng cây công nghiệp; vật nuôi: nuôi bò quy mô lớn, nhà ít nhất cũng có 5 con bò, có nhiều gia đình nuôi đến vài chục con, nuôi cá. Chính quyền địa phương giao đất, khoán rừng cho các hộ gia đình chăm sóc,... có thu nhập ổn định. Mặt khác, một số thanh niên Chơ Ro đã đi làm công nhân cho các khu công nghiệp ở vùng thành phố Biên Hòa, Long Khánh, Xuân Lộc, số khác đi làm nghề kéo gỗ thuê ở Lào (Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng. 2013, tr.30). Do sự tiếp xúc với người Kinh, người Chơ Ro đã học hỏi kỹ thuật canh tác và chăn nuôi chuyển từ việc trồng lúa nương mỗi năm một vụ, không dùng phân bón, năng suất thấp sang trồng lúa hai vụ, dùng phân bón để tăng năng suất lúa. Như vậy, cuộc sống hiện nay của người Chơ Ro ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu đã khá hơn trước.

*Người Chăm* ở Tây Ninh là “hậu duệ của một vị vua Chăm và đoàn tùy tùng của ông đã sang Campuchia thế kỷ XVII và về sau, một bộ phận trong số đó đã về định cư ở Tây Ninh” (Ngô Văn Lệ. 2013, tr.11) hay là những người Chăm từ Campuchia theo Nguyễn Hữu Cảnh về cư trú tại Tây Ninh khi Nguyễn Hữu Cảnh sang Campuchia giúp Nặc Ông Thu giải quyết mâu thuẫn nội bộ vào thế kỷ XVII (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.22). Như vậy người Chăm đã có mặt ở Tây Ninh từ thế kỷ XVII. Theo số liệu thống kê năm 2005, ở Tây Ninh có 3041 người Chăm. Riêng ấp Chăm của xã Suối Dây được hình thành muộn, năm 1987. Người Chăm ở đây chủ yếu từ thị xã Tây Ninh và

xã Tân Hưng về lập nghiệp. Số người Chăm ban đầu khoảng hơn 100 hộ (750 nhân khẩu), đến năm 2005 là 1364 nhân khẩu chiếm 13,6% dân số toàn xã (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.25-26). Kinh tế truyền thống của của người Chăm là canh tác lúa nước với hệ thống thủy lợi khá phát triển từ lâu đời. Ở Tây Ninh phần lớn người Chăm cũng sống ở nông thôn nên phương thức sinh sống chủ yếu của họ cũng là nghề nông. Theo Lê Nguyễn Minh Tấn, “trong số 61 hộ có 32 hộ có ruộng đất và làm nghề nông” (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.26) như trồng lúa, hoa màu: mì cao sản, cây công nghiệp ngắn ngày (mía) hay trồng cây ăn quả, số khác không có ruộng đi làm thuê nông nghiệp. Ngoài ra, họ còn đi lấy măng le, bẫy các loại chim cú, chim cu để bán tăng thu nhập. Chăn nuôi trâu bò mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hộ nuôi trâu nhiều nhất là hộ ông Chăm Sa Lê ở tổ 1 có 35 con trâu (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.34).

*Người Hoa* gồm các nhóm phương ngữ Quảng Đông, Họ, Phúc Kiến, Hải Nam đến định cư ở Bình Dương có thể cùng với thời gian hình thành chợ Phú Cường (1838) (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.33). Khác với các tộc người Stiêng, Chơ Rơ, Chăm, người Hoa thường cư trú tập trung theo nhóm phương ngữ. Tại Thành phố Thủ Dầu Một, năm 2009, có 1129 hộ (6100 nhân khẩu) người Hoa gồm bốn nhóm Hoa Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Sùng Chính (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.46-77). Mỗi nhóm có thế mạnh về ngành nghề khác nhau. Người Hoa Quảng Đông hầu như không làm nông, phần đông sống bằng kinh doanh buôn bán: tiệm چاپ phở, tiệm nước, quán ăn, tiệm vàng, khách sạn (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.46-77). Nhiều người mở doanh nghiệp, công ty kinh doanh. Người Hoa nhóm Phúc Kiến sống tương đối tập trung ở khu vực Lò Chén, phường Chánh Nghĩa, phần đông sống bằng nghề gốm, chỉ có số ít kinh doanh buôn bán. Trong đó, lò gốm đầu tiên của ông Vương Lương đã hình thành trước năm 1850, một trong những người Hoa đã tạo lập nên trung tâm gốm Chánh Nghĩa, một trung tâm gốm quan trọng của tỉnh Bình Dương (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.55). Nhóm Hoa Triều Châu chủ yếu sống tập trung ở chợ Thủ, phường Phú Cường

và một số ít ở phường Hiệp Thành, Chánh Nghĩa, ở quê nhà họ sống bằng nghề trồng trọt và chăn nuôi, đến Thủ Dầu Một họ chuyên về gia công, chế biến thực phẩm và dịch vụ, buôn bán sỉ và lẻ các mặt hàng tạp hóa. Tiêu biểu có tiệm ông Ích Sanh của ông Lợi rất lớn, bán đủ loại hàng hóa, gạo, vải vóc, công cụ; tiệm Thái Lai của ông Văn Điển Cường sau này là tiệm Phước Sanh do ông Trương Châu làm chủ cũng rất nổi tiếng trong việc kinh doanh trà và cà phê. Ông Càn Phong chủ vừa gạo lớn (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.63). Người Hoa nhóm Sùng Chính (Họ) có nghề thuốc bắc gia truyền, với các thương hiệu nổi tiếng từ lâu đời: Thiên Thọ Đường, Thiên Ích Thọ, Thiên Đức Đường,... Ngoài ra, họ còn làm nghề chạm khắc đá, buôn bán tạp phẩm và làm bánh mì (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.72). Công trình *Người Hoa ở Bình Dương* đã nêu lên những đặc điểm về hoạt động kinh tế của người Hoa: kinh doanh buôn bán, làm gốm là thế mạnh của người Hoa Bình Dương, kinh tế hộ gia đình, quy mô sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ là chủ yếu. Trong buôn bán, người Hoa rất trọng chữ tín nên hình thức tín dụng trong nội bộ cộng đồng cùng giúp nhau để phát triển (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.115-126).

Sau 40 năm giải phóng, thực hiện chủ trương ưu tiên phát triển kinh tế cho đồng bào các tộc người thiểu số, chính quyền địa phương đã hướng dẫn, truyền kỹ thuật, cung cấp giống, đất đai đã giúp người Stiêng, người Chơ Rơ, người Chăm chuyển từ phương thức sinh sống bằng săn bắt - hái lượm, canh tác nương rẫy sang canh tác lúa nước, trồng cây lâu năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đối với tộc người có thế mạnh về kinh doanh buôn bán, dịch vụ như người Hoa, từ sau chính sách Đổi mới (1986), khuyến khích nền kinh tế thị trường, thừa nhận thành phần kinh tế tư nhân, nhiều cơ sở kinh doanh của người Hoa không ngừng phát triển. Kinh tế của các cộng đồng tộc người thiểu số ngày nay đã phát triển hơn so 40 năm trước chính nhờ vào sự thay đổi phương thức sản xuất có sự hỗ trợ và khuyến khích từ phía nhà nước.

## 2.2. Tập quán cư trú

Người Stiêng vốn là cư dân trồng lúa rẫy, sống du canh du cư theo từng cụm trong các cánh rừng,

đọc theo các con suối để có nước tưới tiêu và sinh hoạt. Như lời ông Điều Đơn “từ đời cha của tôi trở về trước gia đình sống du canh, du cư. Thời gian sống ở một nơi dài nhất là ba năm – sau ba mùa lúa rẫy, đất bạc màu không thể trồng tiếp, gia đình di chuyển sang khu vực khác sống (cũng trong cánh rừng này). Sau ba năm đất chỗ cũ phục hồi độ màu mỡ, cây lên cao, gia đình quay lại tiếp tục phát rừng trồng rẫy” (Điều Đơn. 2012). Từ tháng 7 năm 1977, cán bộ xã trực tiếp đi vào rừng vận động, giải thích cho người Stiêng ích lợi của việc sống định cư, với phương châm “5 gần, 3 có” (gần Đảng, gần nhau, gần đường, gần chợ, gần trường học, có nước, có đất, có bùng để sản xuất) (Huyện ủy Phước Long – tỉnh Bình Phước 2005, tr.61). Ban đầu người Stiêng không hưởng ứng sự vận động này, nhưng sau khi một vài gia đình bỏ rừng ra sống gần đường, gần chợ, cuộc sống ổn định hơn, dần dần người Stiêng bắt đầu sống định canh định cư. Hiện nay, người Stiêng đã bỏ hẳn tập quán du canh, du cư, làm nhà sống tập trung tại các thôn (nhưng bên cạnh đó họ vẫn làm nhà tạm trong rẫy) gần đường, gần trường học, trạm y tế, gần chợ thuận lợi cho việc đi lại, buôn bán, học tập và chữa bệnh. Cộng đồng đã không còn sống khép kín như trước đây nữa, giao lưu buôn bán, tiếp xúc văn hóa với người Việt.

Giống như người Stiêng, trước năm 1975, người Chơ Ro cũng theo tập quán du canh, du cư. Từ năm 1997, với chủ trương, chính sách chung cho các tộc người thiểu số, chính quyền địa phương vận động người Chơ Ro sống định canh, định cư. Nhà nước cho xây dựng nhà theo chương trình 134, 135, xây dựng khu định cư, cấp đất định canh. Dần dần, người Chơ Ro bỏ tập quán du canh du cư để ổn định cuộc sống.

Sống định cư, nên nhà ở của người Stiêng, Chơ Ro cũng khác trước, phần lớn nhà ở của người Stiêng, Chơ Ro hiện nay đã được xây dựng bán kiên cố, nền gạch, vách tường, mái tole thay thế cho những căn nhà tạm bợ bằng tre nứa, mái tranh, nền đất.

Cuộc sống định cư, xa rừng, xa suối, thói quen dùng nước suối trong sinh hoạt dần dần được thay bằng việc dùng nước giếng, đặc biệt từ năm 1976,

nhà nước đầu tư khoan giếng cho dân, ban đầu ba nhà được một giếng nước, về sau mỗi nhà đều có giếng nước. Cho đến nay, người Stiêng, người Chơ Ro không còn sử dụng nước suối trong sinh hoạt.

Khác với người Stiêng, người Chơ Ro, người Chăm vốn là cư dân định canh, định cư từ lâu đời, chỉ khác là người Chăm ở Suối Dây là dân di cư theo chương trình kinh tế mới của Chính phủ, họ được chia đất để sản xuất nông nghiệp. Làng Chăm ở Suối Dây mới hình thành từ năm 1982.

Người Hoa thường thích cư trú ở những khu thị tứ sầm uất, thuận tiện giao thông để thuận tiện phát triển buôn bán. Những người Hoa đầu tiên chọn chợ Phú Cường làm nơi định cư vì nơi đây là huyện lỵ Bình An “là khu chợ lớn nhất của cả vùng Thủ Dầu Một. Đó là nơi có vị trí thuận tiện về giao thông, cả thủy và bộ. Hàng hóa, nhất là nông sản từ các vùng chung quanh và vùng trên xuôi về, đều ghé vào đây để rồi sau đó được các thương gia chuyển về Gia Định và các nơi xa hơn” (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.32).

Theo truyền thống người Stiêng, người Chơ Ro, sống trong những ngôi nhà dài gồm nhiều gia đình có cùng thân tộc nhưng ngày nay không còn hình thức cư trú này. Hình thức cư trú gia đình hạt nhân trở nên phổ biến hơn. Nếu trước đây những người cùng thân tộc thường sống thành một khu nhưng do biến đổi về đất đai (có những gia đình khó khăn phải bán đất), nhiều dòng họ sống xen kẽ nhau, thậm chí có cả người Kinh – vốn là những người mua đất của họ. Đối với người Hoa, người Chăm tình trạng cũng diễn ra tương tự. Nếu như ở Ninh Thuận, Bình Thuận, người Chăm thường cư trú theo huyết thống, tính theo dòng mẹ thì ở Tây Ninh, tính cố kết dòng họ có phần giảm đi, tùy theo điều kiện của từng gia đình họ sẽ tìm mảnh đất thích hợp, không nhất thiết phải cùng một khu của dòng họ. Người Hoa ở Thủ Dầu Một cũng không thể duy trì tập quán cư trú theo dòng họ. Tập quán cư trú thay đổi dẫn đến tính cố kết dòng họ có phần lỏng lẻo.

Việc định cư đã làm cuộc sống của cộng đồng ngày càng ổn định. Đối với người Chăm, việc di cư đến Suối Dây có đất sản xuất (vì trước đó họ là dân



nghèo ở thị xã Tây Ninh, không có đất, cuộc sống bấp bênh) nên cuộc sống khá hơn trước. Người Hoa, kể từ khi có chính sách được tự do trao đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất mạnh dạn đầu tư vào mua đất, mở thêm nhà xưởng, phát triển quy mô sản xuất.

### 2.3. Phong tục tập quán và đời sống tinh thần

Ở người Stiêng, độ tuổi kết hôn tăng dần theo thời gian, trước đây ba thế hệ (đầu thế kỷ XX), nam nữ có thể kết hôn từ 13 - 17 tuổi, con cái sinh ra từ người cha, người mẹ chưa có một cơ thể hoàn chỉnh, và chăm sóc y tế kém do tập quán sinh tại nhà nên tỷ lệ trẻ em sống thấp. Từ sau năm 1975, theo luật pháp, độ tuổi kết hôn của thế hệ thứ hai là 16 - 18 tuổi, và hiện nay tuổi kết hôn trung bình 18 - 20 tuổi. Hiện nay, lễ cưới người Stiêng được tổ chức đơn giản hơn, không còn thực hiện nghi lễ hiến sinh khi đoàn rước dâu về nhà trai, cô dâu không còn bước qua một lưôi búa và cái sừng trâu được đặt ngay cửa, lễ cưới không kéo dài nhiều ngày và tổ chức linh đình để cả làng cùng dự tốn kém. Tục *nói dây* theo truyền thống đã không còn được duy trì vì phải tuân theo luật pháp của nhà nước. Người Stiêng ảnh hưởng cách tổ chức lễ cưới của người Việt, thuê dịch vụ tổ chức đơn giản, diễn ra trong một buổi.

Tập tục chôn theo người chết những đồ dùng lúc sinh thời người này dùng đã giảm đi nhiều vì những đồ dùng có kích thước lớn không bỏ vào quan tài được, họ đặt quanh mộ bị kẻ trộm lấy mất. Việc làm cho người chết một cái nhà bằng tranh có hàng rào bao quanh cũng không còn phổ biến.

Theo quan niệm xưa, trong cộng đồng người Stiêng có hiện tượng *ma lai* “một người được xem là ma lai khi ban đêm họ biến thành ma quỷ đi hút máu làm người khác ốm đau, chết chóc,... người bị nghi là ma lai sẽ bị buộc phải trả lại toàn bộ phí tổn mà người nhà có người bị bệnh tật đã bỏ ra để nhờ thầy cúng, bà bóng; phải chạy chữa cho những người bệnh tật, ốm đau trong sóc, nếu người bị bệnh chết: người bị nghi là ma lai bị đưa vào rừng thủ tiêu bằng cách chặt đầu hoặc chôn sống, vợ con sẽ bị bán đi nơi xa” (Trần Văn Ánh. 2011, tr.85). Cho đến năm 2000, ở xã Đak-Ơr, một số

người Stiêng vẫn còn tin vào điều này. Ông Điều Con kể, em cùng mẹ khác cha của ông là Điều Doi bị con rết tên Điều Thời chém năm 1996 vì anh ta nghĩ rằng ông Điều Doi là ma lai, xuất hiện trong giấc mơ của anh ta, sẽ theo hại anh ta. Vụ việc được chính quyền xã xử công khai để giúp người dân hiểu rõ đây là hủ tục cần loại bỏ, Điều Thời bị kết án chung thân (Điều Đơn. 2012). Từ sau vụ việc này đến năm 2012 không còn xảy ra vụ nào tương tự.

Sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi làm một số nghi lễ liên quan đến nông nghiệp nương rẫy bị mất đi: lễ cầu mưa, tục cúng lúa chừa, lễ hội đâm trâu, lễ mừng lúa mới. Tuy nhiên, một số gia đình khá giả khi được mùa vẫn tổ chức lễ quay đầu trâu để cúng tạ ơn các Yang, cầu mong sự sinh sôi nảy nở cho muôn vật, sự bình an cho gia đình dòng họ và cả cộng đồng. Những loại bùa ngải yêu, ghét, bùa ngải chữa bệnh, bùa ngải giết người từng chi phối đời sống tinh thần của cộng đồng trong thời gian dài nhưng hiện nay do tiếp thu tri thức khoa học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng (chủ yếu là tivi), người Stiêng không còn tin tuyệt đối vào các loại bùa ngải này nữa.

Những đặc điểm văn hóa của người Chơ Ro ở xã Phú Lý cũng có nhiều điểm tương đồng với văn hóa của người Stiêng. Người Chơ Ro tuân theo nguyên tắc ngoại hôn, già làng Nguyễn Văn Nổi (83 tuổi, ở xã Phú Lý) khẳng định: “Kết hôn cùng huyết thống, dù qua mấy đời đi chăng nữa thì đó là điều cực kỳ tối kỵ của người Chơ Ro”. Do đó khi đến tuổi kết hôn, trai gái Chơ Ro thường phải tìm đến những bản làng khác để tìm vợ hay chồng của mình. Ngay chính vợ già làng bà Hồng Thị Lịch bây giờ, ngày trước phải băng rừng vượt núi, vất vả lắm mới “bắt về được”. Nguyên tắc này một thời đã khiến nhiều nam nữ Chơ Ro không thể kết hôn và sống trong cô độc đến khi chết. Bởi khi ấy, bộ tộc này ở vùng Nam Cát Tiên mới chỉ một nhóm người nhỏ, sống bên nhau dưới mấy chục nóc nhà hầu hết đều là những người cùng dòng họ. Ngày nay, người Chơ Ro không còn sống khép kín trong rừng, thanh niên Chơ Ro rời bản đi học, làm ăn xa nhiều nên hiểu biết hơn, gặp gỡ người nào thấy hợp thì lấy, cha mẹ không ngăn cản gì,

hay ép buộc con cái trong hôn nhân nữa. Việc hợp nhau thì cùng chung sống, ngược lại thì ly dị cũng tương tự như người Kinh, chứ không còn chuyện lấy nhau tuyệt đối phải ở với nhau dù không hề hạnh phúc. Tuy nhiên, có một nguyên tắc bất di bất dịch là người Chơ Ro tuyệt đối không được lấy người cùng dòng họ.

Ngày xưa, lễ cưới ở nhà trai diễn ra ba ngày ba đêm. Ông trưởng tộc, cha mẹ cô gái, một số bà con thân thiết chủ yếu là nam phải ở lại chỗ nhà trai trong suốt thời gian này, họ hàng nhà trai sẽ hỗ trợ gà, vịt, rượu để nhà trai thiết đãi nhà gái nồng hậu. Sau khi tổ chức đám cưới ở nhà trai, lễ cưới sẽ được tổ chức ở nhà gái thường có quy mô lớn hơn. Trong xã hội truyền thống của Chơ Ro, trưởng tộc có vai trò quan trọng trong việc tác hợp, hòa giải và phân xử đôi bên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, người Chơ Ro đã cư trú xen kẽ với tộc người khác, hôn nhân khác tộc ngày càng phổ biến, nên những nghi thức, nguyên tắc và quan niệm này đã thay đổi theo chiều hướng đơn giản hòa để phù hợp với tình hình thực tế. Lễ tang của người Chơ Ro ngày nay cũng đã được đơn giản hóa, không kéo dài gây ô nhiễm môi trường. Tục chia của cho người chết cũng giảm bớt, để tránh tốn kém.

Trước nguy cơ những yếu tố văn hóa truyền thống ngày càng mai một, chính quyền xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu đã hỗ trợ người Chơ ro tổ chức lễ cúng thần lúa (lễ *Sayangva* hay *Opyangva*) vào ngày 12/4 tại ấp Lý Lịch 1. Đây là lễ tạ ơn thần linh đã cho một mùa vụ bội thu, đồng thời cầu xin mưa thuận, gió hoà vào mùa vụ năm sau. Lễ *Sayangva* gồm phần lễ và phần hội. Phần lễ cúng Thần Lúa bao gồm các nghi thức truyền thống, như rước và dâng cúng lễ vật lên thần lúa; biểu diễn công chiêng; chế biến các món ăn truyền thống (bánh dày, cơm lam, canh bồi, thịt nướng). Phần hội, bao gồm các hoạt động biểu diễn văn hóa văn nghệ, thi đấu các môn thể dục thể thao: kéo co, nhảy bao bố, bắn nỏ,... Ngoài ý nghĩa tạ ơn thần, lễ hội *Sayangva* còn có chức năng cổ kết cộng đồng.

Người Chăm ở Tây Ninh theo Hồi giáo, và tôn giáo này ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nghi lễ và phong tục tập quán của người Chăm ở đây, làm

cho người Chăm ở Tây Ninh khác với người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Người Chăm ở Tây Ninh đều sống quanh các thánh đường (masjid) và đời sống tinh thần của họ là đời sống đạo. Hầu hết các masjid được trang trí bằng các câu viết bằng chữ Ả rập được trích từ kinh Qur'an. Nghi lễ cộng đồng Chăm Hồi giáo bao gồm lễ *Ashoura* (1.10 HL) HL: Hồi lịch) vào dịp đầu năm để tạ ơn thượng đế đã ban thực phẩm cho con người và ngày *Raya Adha* vào dịp cuối năm (10.12 HL) và giữ tháng chay *Ramadan* diễn ra vào tháng 9 Hồi lịch. Ngoài ra, người Chăm Hồi giáo còn tổ chức những nghi lễ vòng đời: lễ đặt tên và cắt tóc trẻ sơ sinh (7 - 14 ngày), lễ thành niên cắt bao quy đầu. Lễ cưới của người Chăm ở Tây Ninh cũng được thực hiện theo nghi thức tôn giáo. Trong nhà của người Chăm Hồi giáo không treo hình tượng của người hoặc loài vật kể cả di ảnh của người thân quá cố vì họ quan niệm về Thượng đế duy nhất, là đấng vô hình. Người Chăm Hồi giáo kiêng ăn thịt heo. Các loại thịt ăn đều phải do chính người Chăm Hồi giáo cắt tiết, không ăn thịt động vật chết tự nhiên. Người Chăm Hồi giáo cũng không được phép uống rượu, bia vì rượu bia làm con người không làm chủ mình dẫn đến hành động không tốt. Các nghi lễ vòng đời: lễ cưới, lễ tang đều phải thực hiện theo nghi thức Hồi giáo. Đối với người Chăm ở Suối Dây, một cuộc hôn nhân có giá trị phải có các điều kiện "Hai người phải là người theo đạo Islam, phải có mặt cô dâu và chú rể, phải có sự đồng ý của chàng trai và cô gái, họ đều là người trưởng thành và không bị bệnh nan y, nhất là bệnh tâm thần, phải có người chủ hôn, có hai người làm chứng, có lễ bàn giao giữa người chủ hôn và chú rể, phải trao đổi số tiền đồng cho cô dâu" (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.50-51).

Văn hóa của người Hoa được thể hiện rõ qua hình thức sinh hoạt tín ngưỡng. Chúng ta dễ dàng nhận ra ngôi nhà của người Hoa là bàn thờ đa thần ở gian giữa nhà, thờ chung (từ trái sang phải – từ cao đến thấp): Phật Thích Ca, Quan Thế Âm Bồ Tát, Quan Thánh Đế Quân, bài vị của tổ tiên (thờ chung ông bà, cha mẹ. Người Hoa không thờ di ảnh từng người như người Việt). Ngoài bàn thờ chính đặt trên cao, dưới đất, góc nhà còn có bàn

thờ: Thổ thần và Thần tài, ở bếp có bàn thờ Táo quân. Hằng tháng vào ngày mùng một và ngày rằm (15), gia đình đều mua hoa và trái cây về cúng ông bà và các vị thần, cầu cho gia đình bình an, làm ăn phát đạt. Ngoài hệ thống thần linh được thờ trong từng gia đình, các cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa Quảng Đông còn thờ hệ thống thần linh vô cùng phong phú. Đó là những vị thần mà họ tin rằng phù hộ cho cộng đồng trong quá trình di cư và định cư, trong đời sống hàng ngày: Thiên Hậu Thánh Mẫu (Thiên Hậu Cung – chùa Bà Bình Dương), Quan Thánh Đế Quân, Ông Bồn, Quan Âm Nam Hải, Thổ thần, Thần tài. Đời sống lễ tết của cộng đồng Hoa Quảng Đông khá phong phú, bao gồm Tết Nguyên đán, Tết Nguyên tiêu, Tết Thanh Minh, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Nguyên, Tết Trung thu, Tết Trùng cửu, lễ hội chùa Bà (23 tháng 3, và mùng 9 tháng 9 âm), lễ hội chùa Ông (24 tháng 6 âm). Múa lân, múa sư tử, múa rồng là những loại hình nghệ thuật dân gian thường được biểu diễn trong tết Nguyên tiêu, tết Nguyên đán, mừng khai trương, biểu thị sự may mắn, điềm lành cho cộng đồng. Trải qua nhiều thế hệ định cư ở vùng đất mới, người Hoa ở Thủ Dầu Một không ngừng tiếp thu, hội nhập văn hóa Việt nhưng không vì thế mà từ bỏ những yếu tố văn hóa truyền thống của tộc người mình. Ở những nơi công cộng, mỗi người Hoa đều hòa nhập vào lối ứng xử chung của người Việt, nhưng khi trở về gia đình, họ vẫn giữ nét văn hóa riêng của người Hoa qua ngôn ngữ (trong gia đình thường nói tiếng của nhóm phương ngữ mình), cách ứng xử giữa các thành viên trong gia đình, thói quen ăn uống, tín ngưỡng và nhất là các nghi lễ trong gia đình liên quan đến vòng đời người. Những đặc tính cốt lõi nhất của văn hóa Hoa từ ngàn xưa vẫn còn bảo lưu cho đến ngày nay. Chính vì thế cho đến ngày nay, dù các bang hội phân theo ngôn ngữ đã không còn tồn tại, nhưng chúng ta vẫn có thể phân biệt giữa người Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hẹ, hay Hải Nam đó là do giữa những cộng đồng này vẫn còn giữ được những nét văn hóa riêng của mình, không hoàn toàn hòa lẫn vào nhau.

So với trước giải phóng, văn hóa của các cộng đồng người Stiêng, Chơ Ro, Chăm, Hoa đã thay

đổi rất nhiều. Những nghi lễ được tổ chức theo chiều hướng đơn giản hóa hoặc bị mai một hoàn toàn. Văn hóa của người Stiêng và người Chơ Ro thay đổi do môi trường sống thay đổi, còn văn hóa người Chăm do ảnh hưởng của tôn giáo và hơn tất cả là sự tác động của quá trình tộc người theo xu hướng “Việt hóa”, sự xen cư cùng với người Việt, các tộc người này đã tiếp thu một số yếu tố văn hóa của người Việt (trừ người Chăm) thay thế cho văn hóa truyền thống của tộc người mình. Để phát triển các cộng đồng tộc người theo hướng bền vững không có nghĩa là khôi phục lại nguyên những yếu tố văn hóa truyền thống xa xưa vốn không còn phù hợp với xã hội ngày nay mà phải bảo tồn trong sự phát triển, sao cho phù hợp để thúc đẩy chứ không phải kìm hãm sự phát triển của cộng đồng.

#### 2.4. Tổ chức và quản lý cộng đồng

Bên cạnh hệ thống quản lý của nhà nước, mỗi cộng đồng tộc người đều tồn tại hình thức tổ chức và quản lý xã hội của nội bộ cộng đồng tộc người bằng định chế phi chính thức và điều này có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cộng đồng.

Ở Đak-Ơr, người Stiêng sống tập trung ở thôn 3 (901 người), thôn 4 (821 người), thôn Bù Bung (901) (Ủy ban Nhân dân xã Đak-Ơr. 2010), Trưởng thôn là người quản lý chính thức các hộ gia đình trong thôn như trong tâm thức người Stiêng vẫn tồn tại đơn vị làng (pôh), già làng và trường tộc (*kun*) vẫn là người có ảnh hưởng đối với cộng đồng. Quan hệ thân thuộc (*mpol*) vẫn đóng vai trò quan trọng trong cộng đồng. Mỗi cá nhân Stiêng đều thuộc về *mpol* của mình, họ giữ mối quan hệ với nhau qua những cuộc viếng thăm, lễ nghi. Theo khảo sát của nhóm tác giả Trần Văn Ánh, người Stiêng ở Bình Phước có khoảng hơn 20 dòng họ: “Bù Tiêng, Bù rây, Mria, Bù Duk, Nanglay, Đlung, Xagarai, Bút năngglay, Tầm mu, Brarít, B’Yung Đrên, B’yung Ro Vơ-khul, Vơ-klây, B’Kal, B’Noong, Chang-xarai, Chang-giarang, Tamun, P’Duh, Đông-gôm, Blan. Hiện chưa có tài liệu nào giải thích về ngữ nghĩa của các dòng họ này, chỉ có thể phân biệt các dòng họ thông qua các tập tục kiêng kỵ các con vật hoặc đồ vật nào đó của dòng họ: họ Chang-xarai kiêng ăn lươn, chim cu, cá sấu và trăn, họ Chang-giarinh kiêng con vật màu trắng và cá chân bông,

họ Tamun kiêng đốt mây,...” (Trần Văn Ánh. 2011, tr.54).

Song song với luật pháp của nhà nước, trong nội bộ cộng đồng người Stiêng ở Đak-Ơr vẫn duy trì một số luật tục quy định những quan hệ ứng xử, chuẩn mực đạo đức cá nhân và cộng đồng để bảo đảm cho sự vận hành của xã hội tộc người. Luật tục quy định về những tội nặng và hình thức phạt: tội loạn luân – nghĩa là kết hôn người cùng dòng tộc phải chịu một lễ hiến tế chịu tội với thần linh gồm các con vật hiến sinh màu trắng: trâu trắng, dê trắng, heo trắng; kẻ phạm tội lừa đảo, trộm cắp phải bồi thường gấp ba lần số tài sản lấy cắp, bị những người trong làng khinh rẻ.

Dù xã hội tộc người Stiêng hiện nay đã biến đổi rất nhiều nhưng hình thức tổ chức và quản lý cộng đồng theo truyền thống: làng – già làng, dòng tộc – trưởng tộc vẫn có vai trò điều hành cộng đồng. Cơ cấu xã hội này có chức năng duy trì văn hóa truyền thống của tộc người.

Người Chơ Ro sống theo làng (*plei*), một làng thường có nhiều dòng tộc, mỗi dòng tộc gồm nhiều gia đình. Đứng đầu làng là trưởng làng, là người đàn ông cao tuổi, có uy tín, hiểu biết về phong tục tập quán của cộng đồng. Đứng đầu mỗi dòng tộc là trưởng tộc cũng là người cao, thuộc luật tục của cộng đồng, đảm trách việc hòa giải những xung đột giữa các thành viên trong dòng tộc, quyết định và tổ chức việc cưới xin, ma chay của người trong dòng tộc. Người Chơ Ro ngày nay có hai họ lớn: Chrau Lun (Cá Sấu) và Bi Cu (Cây gỗ mật) và một số họ khác ít người hơn như Chư La, Bô Glao, Chư Giá... Còn các họ Điều, họ Thuận, Thổ, Thượng, Tòng, Thị được cho là vua Minh Mạng ban cho sau này (Dẫn theo Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng. 2013, tr.35). Những họ này đối với người Chơ Ro chỉ dùng để giao tiếp mà thôi. Trong nội bộ cộng đồng tộc người Chơ Ro thì họ vẫn lưu giữ họ theo luật tục truyền thống, để trong dòng họ không phạm tội loạn luân. Họ bảo lưu mối quan hệ huyết thống, dòng thời duy trì sự cố kết cộng đồng và gia đình. Dòng họ cũng là yếu tố cơ sở hình thành các loại quan hệ kinh tế, văn hóa. Ngày nay, xã hội của người Chơ Ro đang thay đổi từng ngày người Chơ Ro vẫn duy trì họ truyền thống

đã có từ lâu đời vừa mang đậm nét huyền thoại, vừa cụ thể có thực. Mặt khác, họ truyền thống của người Chơ Ro còn ẩn chứa những giá trị nhân văn, đạo đức làm người. Duy trì họ truyền thống cũng là cách bảo tồn một di sản văn hóa vẫn còn có tác dụng tích cực cho đến thời kỳ hiện đại; họ truyền thống của người Chơ Ro còn là một đóng góp cho kho tàng ngôn ngữ trong cộng đồng các tộc người Việt Nam thêm phong phú và đa dạng.

Bên cạnh luật pháp của nhà nước, trong nội bộ cộng đồng người Chơ Ro, luật tục vẫn còn chức năng điều chỉnh và quản lý hành vi con người. Luật tục Chơ Ro quy định rõ: nếu trong làng có người già ốm đau, cô đơn không nơi nương tựa mỗi gia đình có trách nhiệm nuôi người này một ngày giáp vòng này lại tiếp vòng khác. Người đàn ông lấy vợ không có con có thể cưới vợ khác nếu vợ cả đồng ý, nếu vợ cả không đồng ý mà vẫn cưới vợ khác sẽ bị phạt trâu. Ăn trộm thứ gì phải đền lại thứ ấy. Phụ nữ phá thai sẽ bị đánh, chồng đánh vợ sẽ phải làm gà xin lỗi vợ...

Cộng đồng người Chăm ở Tây Ninh được tổ chức theo *palei* (làng) tạo thành một đơn vị hành lễ gọi là *jammaah* (Ngô Văn Lê. 2013, tr.21) và “tính cộng đồng *jammaah* đã làm cho người Chăm cùng hướng đến nhiệm vụ chung của cộng đồng, trở thành một đặc trưng khá tiêu biểu trong văn hóa của cộng đồng Chăm Islam ở Nam Bộ” (Ngô Văn Lê. 2013, tr.21). Thành đường là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng. Đứng đầu mỗi làng, hay mỗi *jammaah* là *Hakim* (còn gọi là “Giáo Cả”) do tập thể bầu lên là người có uy tín, được dân làng kính trọng, là người có kiến thức rộng về giáo lý để theo dõi việc hành đạo và giải quyết các vụ tranh chấp giữa các tín đồ với nhau theo luật Hồi giáo. Mặt khác, *Hakim* còn là đại diện cho cộng đồng trong mối quan hệ với chính quyền địa phương. Giúp đỡ cho *Hakim* còn có *Imam*, *Khotip*, *Hadji*, *Tuon* (Lê Nguyễn Minh Tấn. 2005, tr.29) là những giảng kinh, người hướng dẫn tín đồ làm thánh lễ. Hội đồng bộ lão cũng tham gia điều hành và quản lý làng. Đặc biệt, tổ chức Islam của thánh đường Islam sẽ quyết định mọi khía cạnh liên quan đến đời sống hàng ngày của người Chăm ở Tây Ninh vì người Chăm là tín



đồ ngoan đạo.

Tổ chức xã hội của người Hoa là bang hội, hội đoàn nghề nghiệp, tổ chức họ tộc. Theo Huỳnh Ngọc Đáng, khoảng những năm 1930, các tổ chức bang hội của người Hoa ở Thành phố Thủ Dầu Một đều đã được hình thành bao gồm: bang Phúc Kiến, Triều Châu, Khách Gia và Quảng Đông (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.327). Đứng đầu mỗi bang là bang trưởng do các thành viên trong bang bầu chọn, là người có tài sản, có uy tín trong cộng đồng, có hiểu biết và biết tiếng Việt. Ngày nay, các bang hội này không còn chính thức hoạt động nữa và được chuyển thành Hội Tương tế (năm 1995) vẫn theo nhóm phương ngữ. Hội Tương tế hoạt động theo nguyên tắc liên kết và bảo trợ nhau, không còn đảm nhiệm vai trò quản lý, thu thuế như bang hội, và “vai trò chính của Hội Tương tế là chăm lo và nâng cao đời sống cộng đồng, duy trì mạch liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng” (Huỳnh Ngọc Đáng. 2011, tr.342). Người Hoa ở Thủ Dầu Một còn có hội gia tộc – những người cùng họ, có nhà thờ họ chung như Lý Thị Gia Miếu của người Hoa nhóm Phúc Kiến. Ở Bình Dương có những dòng họ lớn như họ Quỳnh, họ Lâm, họ Lợi, họ Trần người Quảng Đông. Họ Vương, họ Lý, họ Lưu người Triều Châu. Họ Thương, họ Đặng người Hẹ. Đứng đầu mỗi tộc họ là Tộc trưởng – người lớn tuổi có uy tín và có vai vế cao nhất trong dòng họ. Tộc trưởng sẽ chủ trì các lễ tưởng niệm ở từ đường dòng họ vào các dịp lễ, tết. Tộc trưởng là người gắn kết, hòa giải mâu thuẫn trong nội tộc, giữ gìn đời sống tâm linh.

Sự tồn tại các định chế phi chính thức: làng - già làng (người Stiêng, người Chơ ro), dòng tộc - trưởng tộc (Stiêng, Chơ Ro, Hoa) hay Giáo cả (người Chăm) đã góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống và duy trì sự ổn định của cộng đồng trước những đổi thay rất lớn của xã hội hiện đại. Trong chừng mực nào đó, các định chế phi chính thức này đã “chia sẻ” với định chế chính thức trách nhiệm quản lý cộng đồng. Nên không phải ngẫu nhiên, mà các làng người Stiêng, người Chơ Ro hay người Chăm, người Hoa vẫn tồn tại song song thôn trưởng và già làng, trưởng khu phố và trưởng tộc, giáo cả.

### 3. Kết luận

Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX về công tác dân tộc đã khẳng định: “Thực hiện tốt các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc” (Vy Xuân Hoa, 27/1/2015) đã tạo điều kiện cho sự phát triển của các cộng đồng tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung và ở Đông Nam Bộ nói riêng. Những thay đổi trong văn hóa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ là sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, và vật nuôi, áp dụng khoa học kỹ thuật đã mang lại cho cộng đồng một nền kinh tế sản xuất hàng hóa, nghề thủ công truyền thống bị mai một nhưng cũng xuất hiện một số công việc có nguồn thu nhập tương đối ổn định (cao mủ cao su, thợ hồ, bóc vỏ điều, làm công nhân ở các nhà máy, công ty), nghề chăn nuôi bò (người Chăm), làm đời sống kinh tế của cộng đồng phát triển. Người Stiêng, người Chơ Ro cũng từng bước tiếp thu cuộc sống hiện đại: định canh, định cư, xây dựng nhà ở kiên cố hơn, sử dụng các tiện nghi trong gia đình, ăn chín, uống sôi và sạch, quan tâm hơn đến việc chăm sóc sức khỏe theo y khoa, có sự đầu tư nhất định cho việc học của con cái, chất lượng cuộc sống thay đổi theo chiều hướng đi lên. So với cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, cộng đồng người Stiêng, Chơ Ro phát triển về trí tuệ và sức khỏe (trình độ học vấn tăng, tuổi thọ trung bình cao hơn). Từ sau chính sách Đổi mới, cơ chế kinh tế thị trường cho phép người Hoa phát triển hơn nữa thế mạnh kinh doanh, và các nghề thủ công truyền thống. Nhìn chung, sau 40 năm giải phóng đất nước nền kinh tế của các tộc người thiểu số ngày càng phát triển, phương thức sinh sống thay đổi theo hướng đi lên và hội nhập với người Kinh.

## Tài liệu tham khảo

- Phan, An. 2007. *Hệ thống xã hội tộc người của người Stiêng ở Việt Nam (từ thế kỷ XIX đến năm 1945)*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, Văn Ánh (chủ nhiệm). 2011. *Đời sống văn hóa người Stiêng ở tỉnh Bình Phước*, Đề tài cấp bộ, Bản đánh máy.
- Huỳnh, Ngọc Đáng (chủ biên). 2011. *Người Hoa ở Bình Dương*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Điều Đơn, *Nội dung phỏng vấn*, ngày 12-04-2012.
- Vy, Xuân Hoa, *Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo quyền của các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Ủy Ban Dân tộc, <http://web.cema.gov.vn>, truy cập ngày 27/1/2015.
- Ngô, Văn Lê. 2013. “Quá trình hình thành cộng đồng dân cư, tổ chức và quản lý xã hội Nam Bộ, những thuận lợi và thách thức trong quá trình hội nhập ở Nam Bộ”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, số X2, tr.5 - 30. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, Văn Luận. 1974. *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần*, NXB Bộ Giáo dục Thanh niên, Sài Gòn.
- Trương, Văn Món. 2013. “Làm gì để đánh thức tri thức bản địa trong mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ: truyền thống và biến đổi*, Bản đánh máy, tr.50-57.
- Nguyễn, Thị Nguyệt. 2013. “Tri thức địa phương của các dân tộc thiểu số miền Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên”, Kỷ yếu Hội thảo *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ: truyền thống và biến đổi*, Bản đánh máy, tr.40-49.
- Trần, Thị Nhung. 2011. *Cộng đồng xã ấp trong sự phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ (2011 – 2020)*, Đề tài cấp bộ.
- Lê, Nguyễn Minh Tấn. 2005. *Hệ thống thân tộc, hôn nhân và gia đình của người Chăm ở Tây Ninh, nghiên cứu trường hợp ở xã Suối Dây, huyện Tân Châu*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cao, Tự Thanh (chủ biên). 2013. *Một trăm câu hỏi đáp về người Hoa ở Gia Định – Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Văn hóa Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huỳnh, Văn Tới; Lâm Nhân; Phan, Đình Dũng. 2013. *Văn hóa người Chơ ro*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- Nguyễn, Tuấn Triết. 2013. “Địa vị già làng trong kho tàng tri thức bản địa - Trường hợp người Chơ-ro ở miền Đông Nam Bộ”, Kỷ yếu Hội thảo *Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ: truyền thống và biến đổi*, Bản đánh máy, tr.85-90.
- Ủy ban Nhân dân xã Đak-Or. 2009. *Tổng hợp dân số theo dân tộc*, Bản đánh máy, tr.1.
- Ủy ban Nhân dân xã Đak-Or, *Tổng hợp điều tra dân số và nhà ở năm 2010 - Dân số phân theo dân tộc*, Biểu số 02/T-KP, tháng 12/2010.